

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

- Mã chứng khoán: TDW
- Địa chỉ: 8 Không Tử, Phường Thủ Đức, TP. HCM
- Điện thoại liên hệ: 19001012
- E-mail: idsctnd@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố

Thông báo số 2806/TB-CNTĐ ngày 29/07/2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/07/2026 tại đường dẫn: www.thuducwater.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo số 2806.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Minh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Quyết định số 6662/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 07 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng - mua sắm 6 tháng đầu năm 2026 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2026

Stt	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 6TDN2025	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện 6TDN2026	Tỷ lệ (%)	
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4) =3/2	(5) =3/1
A.	KINH DOANH						
1.	Nước cung cấp (chuẩn 1)	1.000m ³	55.168	113.900	57.029	50,07	103,37
2.	Doanh thu tiền nước (chuẩn 1)	tr.đồng	660.726	1.377.734	686.720	49,84	103,93
3.	Gắn mới đồng hồ nước	Cái	2.585	4.500	2.310	51,33	89,36
4.	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	18.417	40.746	10.903	26,76	59,20
5.	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	75	208	84	40,38	112,00
6.	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
7.	Tỷ lệ thất thoát nước	%	10,40	10,00	9,94	Giảm 0,06	Giảm 0,46
B.	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG						
1.	Phát triển mạng lưới cấp nước						
	- Khối lượng đường ống	m	-	3.470	-	-	-

Stt	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 6TĐN2025	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện 6ĐN2026	Tỷ lệ (%)	
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4) =3/2	(5) =3/1
	- Giá trị khối lượng	tr.đồng	-	9.600	-	-	-
	- Giá trị giải ngân	tr.đồng	05	6.800	-	-	-
2.	Sửa chữa ống mụt						
	- Khối lượng đường ống	m	23.737	15.399	454	2,95	1,91
	- Giá trị khối lượng	tr.đồng	68.230	41.500	1.154	2,78	1,69
	- Giá trị giải ngân	tr.đồng	68.070	31.800	6.421	20,19	9,43
3.	Dì dời đường ống cấp nước						
	- Khối lượng đường ống	m	-	3.189	1.282	40,20	-
	- Giá trị khối lượng	tr.đồng	-	11.300	2.804	24,81	-
	- Giá trị giải ngân	tr.đồng	-	9.600	259	2,70	-
4.	Mua sắm Vật tư, trang thiết bị						
	- Giá trị khối lượng	tr.đồng	2.328	13.350	881	6,60	37,84
	- Giá trị giải ngân	tr.đồng	10.800	12.570	1.276	10,15	11,81
5.	Sửa chữa VP làm việc công ty						
	- Giá trị khối lượng	tr.đồng	-	1.800	-	-	-
	- Giá trị giải ngân	tr.đồng	-	1.400	752	53,71	-
C. TÀI CHÍNH							
	- Tổng doanh thu	tr.đồng	667.312	1.391.884	691.171	49,66	103,58
	- Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	33.492	76.691	38.400	50,07	114,66
	- Thu nhập bình quân	Trđ/ng/th	21,79	22,74	23,23	102,15	106,61

Hội đồng quản trị ghi nhận kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng - mua sắm và tài chính 6 tháng đầu năm 2026; đồng thời yêu cầu Ban Điều hành tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2026, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị giao.

2. Báo cáo tài chính Quý II năm 2026, Dự thảo Báo cáo tài chính bán niên 2026 đã soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam và Kết quả tài chính 6 tháng đầu năm 2026 (đã soát xét)

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu gồm:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện năm 2026		Tỷ lệ TH/KH (%)
				Quý II	6 tháng ĐN (đã soát xét)	
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4) = 3/1
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.391.884	364.936	691.171	49,66
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.315.193	339.139	652.749	49,63

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện năm 2026		Tỷ lệ TH/KH (%)
				Quý II	6 tháng ĐN (đã soát xét)	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	76.691	25.796	38.422	50,10
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	61.353	20.618	30.663	49.98
5	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bình quân	%	22,66	8,07	12,01	52,98
6	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bình quân (theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC)	%	36,95	12,72	18,04	48,82

Giao Ban Điều hành tiếp tục theo dõi, kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2026; chủ động thực hiện các giải pháp nhằm bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, hiệu quả sử dụng vốn và an toàn tài chính của Công ty.

3. Điều chỉnh và bổ sung danh mục Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm năm 2026

a. Thông qua Tờ trình số 2520/TTr-CNTĐ-KHVT ngày 06/7/2026 của Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức về việc điều chỉnh và bổ sung danh mục Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm năm 2026; bao gồm việc hủy, điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư; điều chỉnh giai đoạn thực hiện dự án; điều chỉnh tên dự án, quy mô, tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn thực hiện các dự án theo Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

b. Giao Giám đốc công ty - Người đại diện theo pháp luật làm Người quyết định đầu tư, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan; chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư, tiến độ thực hiện, quản lý chi phí và sử dụng nguồn vốn đúng mục đích.

4. Báo cáo tình hình vay vốn Quý II năm 2026 và dự kiến vay vốn năm 2026

Hội đồng quản trị ghi nhận Báo cáo tình hình vay vốn Quý II năm 2026 và dự kiến kế hoạch vay vốn năm 2026 của Công ty.

Giao Ban Điều hành chủ động cân đối nguồn vốn, quản lý dòng tiền, bảo đảm khả năng thanh toán, hiệu quả sử dụng vốn và an toàn tài chính trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Chủ trương vay vốn ngân hàng để thực hiện công trình đầu tư xây dựng và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026

Thông qua Tờ trình số 152/TTr-TCKT ngày 13/7/2026 về chủ trương vay vốn ngân hàng để thực hiện công trình đầu tư xây dựng và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026.

a. Đối với vay vốn lưu động

- + Thông qua chủ trương tiếp tục duy trì và gia hạn hạn mức vay vốn lưu động tại các tổ chức tín dụng nhằm bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và cân đối dòng tiền của Công ty trong năm 2026.

- + Tổng hạn mức vay tối đa: 60 tỷ đồng (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng).
- + Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: Tối đa 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng.
- + Giao Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện việc ký kết hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ/khế ước nhận nợ và các hồ sơ, tài liệu liên quan; quyết định thời hạn từng khoản vay trên cơ sở nhu cầu sử dụng vốn thực tế, phù hợp với quy định của tổ chức tín dụng, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b. Đối với vay vốn trung và dài hạn phục vụ đầu tư xây dựng công trình:

- + Thông qua chủ trương huy động nguồn vốn vay trung và dài để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng thuộc danh mục kế hoạch đầu tư của Công ty với tổng mức đầu tư 186,3 tỷ đồng (Nguồn vốn: 80% vốn vay và 20% vốn Công ty).
- + Tổng hạn mức vay tối đa: 119 tỷ đồng.
- + Giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty- Người đại diện theo pháp luật của Công ty:
 - Chủ động lựa chọn tổ chức tín dụng có điều kiện vay, lãi suất cạnh tranh, phù hợp với mặt bằng thị trường và nhu cầu sử dụng vốn của Công ty;
 - Quyết định phương án bảo đảm tiền vay và ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp/đảm bảo và các văn bản, hồ sơ có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c. Giám đốc Công ty – Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc vay vốn, giải ngân, quản lý và sử dụng vốn vay đúng mục đích, bảo đảm hiệu quả đầu tư, an toàn tài chính, khả năng thanh toán và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với tổ chức tín dụng.

Định kỳ, Giám đốc Công ty báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình vay vốn, giải ngân, sử dụng vốn vay, dư nợ và việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty.

6. Chủ trương xây dựng 02 Quy chế lựa chọn nhà thầu trong mua sắm hàng hoá, dịch vụ phục vụ công tác mua sắm thường xuyên và Quy chế lựa chọn nhà thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng

Thông qua chủ trương xây dựng 02 Quy chế lựa chọn nhà thầu trong mua sắm hàng hoá, dịch vụ phục vụ công tác mua sắm thường xuyên và Quy chế lựa chọn nhà thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Giao Ban Điều hành xây dựng, hoàn thiện dự thảo 02 Quy chế, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, phù hợp với Điều lệ và yêu cầu quản trị của Công ty.

7. Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính Quý I năm 2026 và đánh giá kết quả kinh doanh Quý I năm 2026; Báo cáo tình hình tình hình vay vốn và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn

Hội đồng quản trị ghi nhận Báo cáo số 26/BC-CNTĐ-KTNB ngày 09/6/2026 về thẩm định Báo cáo Tài chính Quý I năm 2026 và đánh giá kết quả kinh doanh Quý I năm 2026 so với kế hoạch, Báo cáo số 27/BC-CNTĐ-KTNB ngày 16/6/2026 về tình hình vay vốn và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của Bộ phận Kiểm toán nội bộ.

Giao Ban Điều hành triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị của Bộ phận Kiểm toán nội bộ và báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng quản trị.

8. Chủ trương sáp nhập toàn bộ chức năng, nhiệm vụ và nhân sự Phòng Điều Độ vào Phòng Kỹ thuật

Thông nhất thông qua Tờ trình số 2781/TTr-CNTĐ-TCHC ngày 27/07/2026 về chủ trương sáp nhập toàn bộ chức năng, nhiệm vụ và nhân sự Phòng Điều độ vào Phòng Kỹ thuật.

Giao Ban Điều hành xây dựng phương án tổ chức thực hiện, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ các đơn vị liên quan, báo cáo Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền.

9. Ghi nhận Đơn từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị ghi nhận Đơn từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị của bà Vũ Phương Thảo.

Thông nhất trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 xem xét, quyết định việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đối với bà Vũ Phương Thảo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.

10. Kế hoạch triệu tập, chương trình và tài liệu Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026

a. Kế hoạch triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026

- Thời gian tổ chức: 8 giờ 30 phút, Thứ sáu, ngày 18/9/2026.
- Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền: Ngày 18/08/2026.
- Địa điểm tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức - Địa chỉ: 8 Khổng Tử, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

b. Chương trình, tài liệu Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026

Nội dung chính của tài liệu ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 bao gồm:

- Các Quy chế; Quy định có liên quan và Chương trình Đại hội đồng cổ đông bất thường 2026;
- Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027; các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng chức năng trực thuộc Công ty và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ban Kiểm soát;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT TP.HCM;
- Website;
- Lưu: VT.HĐQT.

Vũ Phương Thảo

PHỤ LỤC:

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - MUA SẴM ĐIỀU CHỈNH NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 28/07/2026)

STT	Tên dự án	Nghị quyết 48/NQ-CNTĐ-HĐTQ ngày 17/12/2025							Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh							Ghi chú
		Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMDT	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMDT (triệu đồng)	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
			Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)						Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)					
PHẦN I: TỔNG HỢP																
	TỔNG CỘNG			59.343	205.850	22.798	77.550	62.170			58.284	200.332	14.346	55.322	45.452	
	Xây dựng cơ bản			59.343	189.400	22.058	62.400	48.200			58.284	186.300	13.746	42.600	33.880	
	Mua sắm trang thiết bị, phần mềm			-	14.450	738	13.350	12.570			-	12.032	598	10.922	10.172	
	Sửa chữa văn phòng			-	2.000	2	1.800	1.400			-	2.000	2	1.800	1.400	
	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ			59.343	205.850	22.798	77.550	62.170			58.284	200.332	14.346	55.322	45.452	
	I.Phát triển mạng lưới:			3.470	10.600	3.470	9.600	6.800			2.120	7.700	684	2.800	2.080	
	1. Công trình chuyển tiếp			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
	2. Công trình khởi công mới			3.470	10.600	3.470	9.600	6.800			1.220	4.600	684	2.800	2.080	
	3. Công trình chuẩn bị đầu tư			-	-	-	-	-			900	3.100	-	-	-	
	II. Sửa chữa ống mục:			33.069	100.100	15.399	41.500	31.800			28.069	76.300	6.716	18.200	14.900	
	1. Công trình chuyển tiếp			5.887	13.700	-	-	2.300			5.887	13.700	-	-	2.300	
	2. Công trình khởi công mới			22.999	74.800	15.399	41.500	29.500			8.395	25.000	6.716	18.200	12.600	
	3. Công trình chuẩn bị đầu tư			4.183	11.600	-	-	-			13.787	37.600	-	-	-	
	III. Di dời đường ống cấp nước:			22.804	78.700	3.189	11.300	9.600			28.095	102.300	6.346	21.600	16.900	
	1. Công trình chuyển tiếp			10.504	27.700	729	1.900	1.600			10.813	33.100	729	1.900	1.600	
	2. Công trình khởi công mới			12.300	51.000	2.460	9.400	8.000			17.282	69.200	5.617	19.700	15.300	
	3. Công trình chuẩn bị đầu tư															
	IV. Mua sắm vật tư, trang thiết bị			-	14.450	738	13.350	12.570				12.032	598	10.922	10.172	
	1. Công trình chuyển tiếp			-	3.170	65	3.170	2.630				3.170	65	3.170	2.630	
	2. Công trình khởi công mới			-	10.180	611	10.180	9.940				7.762	471	7.752	7.542	
	3. Công trình chuẩn bị đầu tư			-	1.100	62	-	-				1.100	62	-	-	
	V. Sửa chữa văn phòng làm việc				2.000	2	1.800	1.400				2.000	2	1.800	1.400	
PHẦN II: DANH MỤC CHI TIẾT																
I.	PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI			3.470	10.600	3.470	9.600	6.800			2.120	7.700	684	2.800	2.080	
A	Công trình chuyển tiếp			-	-	-	-	-								
B	Khởi công mới			3.470	10.600	3.470	9.600	6.800			1.220	4.600	684	2.800	2.080	
1	PTMLCN đường Võ Chí Công, phường Bình Trưng, TP. HCM	80% vay; 20% vốn công ty	180	550	2.000	550	1.800	1.300	80% vay; 20% vốn công ty	225	550	2.800	550	2.500	1.800	Điều chỉnh quy mô Nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho khu vực triển khai dự án trong tương lai và đồng bộ về đường kính với tuyến ống OD225mm cung cấp nguồn hiện hữu, đề xuất nâng cỡ ống từ OD180mm lên OD225 mm

STT	Tên dự án	Nghị quyết 48/NQ-CNTĐ-HĐTQ ngày 17/12/2025							Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh							Ghi chú
		Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBT	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBT (triệu đồng)	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
			Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)						Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)					
2	PTMLCN đường Lò Lu, phường Long Phước; Đường 6, phường Long Bình, TP. HCM	80% vay; 20% vốn công ty	125	500	3.100	500	2.800	2.000	-	-	-	-	-	-	-	Chuyển giai đoạn chuẩn bị đầu tư Căn cứ văn bản số 19/CV-BQL ngày 08/6/2026 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng, khu vực triển khai thực hiện dự án tại đường Lò Lu nằm trong phạm vi dự án Xây dựng mới cầu Lấp, do đó dự án cấp nước cần phối hợp đồng bộ với dự án chính (dự án chính đang ở giai đoạn Khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi). Năm 2026 chưa đủ điều kiện để thi công tuyến ống cấp nước. Đề nghị chuyển sang giai đoạn chuẩn bị đầu tư để chuẩn bị hồ sơ pháp lý nhằm phối hợp kịp thời với dự án chính
			225	400		400			-	-	-	-	-	-	-	
3	PTMLCN phường Hiệp Bình, phường Thủ Đức, TP. HCM	80% vay; 20% vốn công ty	125	1.370	3.700	1.370	3.400	2.400	-	-	-	-	-	-	-	Hủy danh mục Căn cứ văn bản số 1461/UBND-KTHTĐT ngày 02/6/2026 của UBND phường Hiệp Bình, khu vực có thể triển khai thực hiện dự án gồm các hẻm 23/41 đường 27, hẻm số 9/6 đường 36, hẻm số 45/2 đường 38, với tổng chiều dài 167 mét. - Quy mô công trình quá nhỏ do đó đề nghị hủy danh mục đầu tư. - Việc phủ kín mạng lưới tại các hẻm này sẽ do Công ty (phòng QLML3) tự thực hiện.
4	PTMLCN phường Long Trường TP.HCM	80% vay; 20% vốn công ty	125	650	1.800	650	1.600	1.100	80% vay; 20% vốn công ty	125	670	1.800	134	300	280	Điều chỉnh tên và quy mô dự án Công ty nhận được văn bản số 1208/UBND-KTHTĐT ngày 12/6/2026 của UBND phường Long Trường đề nghị phát triển mạng lưới cấp nước trên địa bàn phường Long Trường. Tên cũ: PTMLCN phường Long Phước, phường Tăng Nhơn Phú, TP. HCM
C	Chuẩn bị đầu tư			-	-	-	-	-			900	3.100	-	-	-	
1	PTMLCN đường Lò Lu, phường Long Phước; Đường 6, phường Long Bình, TP. HCM								80% vay; 20% vốn công ty	125	500	3.100	-	-	-	Chuyển từ khởi công mới sang chuẩn bị đầu tư
										225	400					
II.	SỬA CHỮA ỚNG MỤC			33.069	100.100	15.399	41.500	31.800			28.069	76.300	6.716	18.200	14.900	
A	Công trình chuyển tiếp			5.887	13.700	-	-	2.300			5.887	13.700	-	-	2.300	

STT	Tên dự án	Nghị quyết 48/NQ-CNTĐ-HBTQ ngày 17/12/2025							Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh							Ghi chú
		Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBT	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBT (triệu đồng)	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
			Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)						Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)					
1	Cải tạo, nâng cấp ống mục, ống sâu đường Lò Lu (lề trái và lề phải), phường Trường Thạnh, TP.Thủ Đức	100% công ty	280	3.540	9.800	-	-	1.600	80% vay; 20% vốn công ty	280	3.540	9.800	-	-	1.600	Điều chỉnh nguồn vốn 'Dự án chuyển tiếp từ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT-CNTĐ ngày 01/3/2023. Ban QLDA Đầu tư xây dựng Thủ Đức đã triển khai công trình nâng cấp, mở rộng đường Lò Lu. Trong phạm vi dự án hiện có tuyến ống cấp nước Ø150 uPVC và Ø280 uPVC được lắp đặt từ năm 2008; sau khi mở rộng đường lên 25m, tuyến ống nằm giữa tìm đường, gây khó khăn cho công tác quản lý, khai thác và sửa chữa. Do đó, việc di dời, tái bố trí tuyến ống vào vị trí phù hợp theo quy hoạch mặt cắt ngang đường là cần thiết, nhằm hoàn thiện mạng lưới cấp nước, tạo thuận lợi cho quản lý vận hành, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch, góp phần giảm thất thoát nước và bảo đảm đồng bộ với công trình chính.
2	Sửa chữa ống mục khu vực Phường Tân Phú, TP. Thủ Đức	100% công ty	125	735	3.900	-	-	700	80% vay; 20% vốn công ty	125	735	3.900	-	-	700	Điều chỉnh nguồn vốn 'Dự án chuyển tiếp từ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT-CNTĐ ngày 01/3/2023. Ban QLDA Đầu tư xây dựng Thủ Đức đang triển khai công trình xây dựng đường Hoàng Hữu Nam, đoạn từ Bến xe Miền Đông mới đến nút giao với xa lộ Hà Nội. Trong phạm vi dự án hiện có các tuyến ống cấp nước Ø100, Ø150, Ø200 uPVC và Ø200 gang, lắp đặt từ năm 2005–2006, độ sâu trung bình 1,8–2,0m, gây khó khăn cho công tác quản lý, khai thác và sửa chữa. Sau khi đường Hoàng Hữu Nam được mở rộng lên 30m, tuyến ống hiện hữu nằm giữa tìm đường; do đó, việc di dời, tái bố trí tuyến ống vào vị trí phù hợp theo quy hoạch mặt cắt ngang đường là cần thiết, nhằm hoàn thiện mạng lưới cấp nước, thuận lợi cho quản lý vận hành, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch, góp phần giảm thất thoát nước và bảo đảm đồng bộ với công trình chính.
			180	400						180	400					
			225	1.212							1.212					
B	Khởi công mới			22.999	74.800	15.399	41.500	29.500	-	610	8.395	25.000	6.716	18.200	12.600	
1	Sửa chữa ống mục lề phải đường Nguyễn Văn Hưởng, TP. HCM	80% vay; 20% vốn công ty	280	2.500	12.600	500	2.300	2.000	-	-	-	-	-	-	-	Hủy danh mục Tuyến ống D300 hiện hữu nằm trên vỉa hè đường Nguyễn Văn Hưởng và có độ sâu chôn ống trung bình 02 mét, nhưng từ năm 2019 đến nay số lượng điểm bể không nhiều (08 lần) và không bị ảnh hưởng bởi dự án Cải tạo hệ thống thoát nước đường Thảo Điền – Quốc Hương – Xuân Thủy – Nguyễn Văn Hưởng (khu dân cư Thảo Điền). Việc xử lý các điểm giao cắt giữa hệ thống cấp nước hiện hữu với công trình Do đó, Phòng QLML2 phối hợp xử lý các điểm giao cắt với công trình chính.
2	Sửa chữa ống mục lề trái đường Nguyễn Văn Hưởng, TP. HCM	80% vay; 20% vốn công ty	280	2.500	11.200	500	2.000	1.700	-	-	-	-	-	-	-	

STT	Tên dự án	Nghị quyết 48/NQ-CNTĐ-HĐTQ ngày 17/12/2025							Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh							Ghi chú
		Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBT	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBT (triệu đồng)	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
			Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)						Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)					
3	Sửa chữa ống mục khu vực phường Phước Long, TP. HCM	80% vay; 20% vốn công ty	125 180	2.447 1.735	13.400	1.958 1.388	9.800	6.800	80% vay; 20% vốn công ty	125 180	2.447 1.735	13.400	1.958 1.388	9.800	6.800	
4	Sửa chữa ống mục tuyến ống cấp nước thuộc DMA Hữu Nghị, phường Thủ Đức, TP.HCM	80% vay; 20% vốn công ty	125	4.261	11.200	3.409	8.200	5.700		-	-	-	-	-	-	Chuyển giai đoạn chuẩn bị đầu tư Khu vực thực hiện dự án rộng (45 hẻm) nên công tác liên hệ để hoàn tất thủ tục cập nhật công trình ngầm điện lực, viễn thông, thoát nước, cây xanh... mất nhiều thời gian. Dự kiến đến cuối Quý III mới có đủ cơ sở pháp lý để phê duyệt dự án Sau khi đánh giá sự cần thiết phải đầu tư và khả năng triển khai thực hiện dự án.
5	Sửa chữa ống mục khu vực phường Linh Xuân, TP. HCM	80% vay; 20% vốn công ty	125 180 225	4.393 589 361	14.800	3.514 471 289	10.800	7.500		-	-	-	-	-	-	Chuyển giai đoạn chuẩn bị đầu tư Khu vực thực hiện dự án rộng (34 hẻm) nên công tác liên hệ hoàn tất thủ tục cập nhật công trình ngầm điện lực, viễn thông, thoát nước, cây xanh. mất nhiều thời gian. Dự kiến đến cuối Quý III mới có đủ cơ sở pháp lý để phê duyệt dự án - Sau khi đánh giá sự cần thiết phải đầu tư và khả năng triển khai thực hiện dự án, đề nghị chuyển sang giai đoạn Chuẩn bị đầu tư.
6	Sửa chữa ống mục đường và các hẻm phường Hiệp Bình, TP. HCM	80% vay; 20% vốn công ty	125 180	3.824 389	11.600	3.059 311	8.400	5.800	80% vay; 20% vốn công ty	125 180	3.824 389	11.600	3.059 311	8.400	5.800	
C	Chuẩn bị đầu tư			4.183	11.600	-	-	-			13.787	37.600	-	-	-	
1	Sửa chữa ống mục Khu dân cư Hồng Long, phường Hiệp Bình, TP. HCM.	80% vay 20% vốn công ty	125	4.183	11.600				80% vay 20% vốn công ty	125	4.183	11.600				
2	Sửa chữa ống mục tuyến ống cấp nước thuộc DMA Hữu Nghị, phường Thủ Đức, TP.HCM								80% vay; 20% vốn công ty	125	4.261	11.200	-	-	-	Chuyển từ khởi công mới sang chuẩn bị đầu tư
3	Sửa chữa ống mục khu vực phường Linh Xuân, TP. HCM								80% vay; 20% vốn công ty	125 180 225	4.393 589 361	14.800	-	-	-	Chuyển từ khởi công mới sang chuẩn bị đầu tư
III.	DI DỜI TUYẾN ỐNG			22.804	78.700	3.189	11.300	9.600			28.095	102.300	6.346	21.600	16.900	
A	Công trình chuyển tiếp			10.504	27.700	729	1.900	1.600			10.813	33.100	729	1.900	1.600	

STT	Tên dự án	Nghị quyết 48/NQ-CNTĐ-HĐTQ ngày 17/12/2025							Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh							Ghi chú
		Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBT	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBT (triệu đồng)	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
			Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)						Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)					
1	Di dời tuyến ống cấp nước đường Liên Phường (đoạn từ đầu tuyến đến Km0+364), Quận 9	100% vốn công ty	280	284	2.700	-	-	-	80% vay, 20% vốn Công ty	280	284	3.500	-	-	-	Điều chỉnh nguồn vốn và quy mô Chuyển tiếp từ Nghị quyết số 030/NQ-HĐQT ngày 28/9/2018. Tuyến ống cấp nước trên đường Liên Phường hiện đang phục vụ cấp nước cho khu vực; tuy nhiên, Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông đang triển khai dự án cải tạo, nâng cấp đường Liên Phường. Sau khi đường được mở rộng lên 25m, tuyến ống hiện hữu sẽ nằm giữa tim đường, gây khó khăn cho công tác quản lý, khai thác và sửa chữa. Vì vậy, việc di dời, tái bố trí tuyến ống cấp nước vào vị trí phù hợp theo quy hoạch mặt cắt ngang đường là cần thiết. Dự án đã được phê duyệt từ năm 2018 và hoàn tất lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng thi công từ ngày 01/3/2019 nhưng chưa khởi công do vướng mặt bằng. Theo tiến độ công trình chính do chủ đầu tư cung cấp, dự kiến triển khai trong tháng 10/2026; đồng thời, tổng mức đầu tư/giá gói thầu được phê duyệt từ năm 2019 đến nay không còn phù hợp, nên Công ty trình điều chỉnh tổng mức đầu tư.
2	Di dời tuyến ống cấp nước đường Đỗ Xuân Hợp (đoạn từ Km3+572 đến Km4+316), Quận 2, Quận 9	100% vốn công ty	180	1.260	2.600	-	-	-	80% vay, 20% vốn Công ty	180	1.260	4.600	-	-	-	Điều chỉnh nguồn vốn và quy mô 'Chuyển tiếp từ Nghị quyết số 30/NQ-HĐQT ngày 28/9/2018. Các tuyến ống cấp nước dọc đường Đỗ Xuân Hợp hiện đang cung cấp nước thường xuyên với lưu lượng lớn, phục vụ nhu cầu sử dụng nước của người dân trong khu vực. Tuy nhiên, Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông đang triển khai dự án mở rộng đường Đỗ Xuân Hợp; sau khi đường được mở rộng lên 30m, tuyến ống hiện hữu sẽ nằm giữa tim đường, gây khó khăn cho công tác quản lý, khai thác và sửa chữa. Vì vậy, việc di dời, tái bố trí tuyến ống cấp nước vào vị trí phù hợp theo quy hoạch mặt cắt ngang đường là cần thiết. Dự án đã được phê duyệt từ năm 2018, hoàn tất lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng thi công từ ngày 15/5/2019 nhưng chưa khởi công do vướng mặt bằng. Ngày 11/6/2026, Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông đã làm việc với các đơn vị liên quan và đề nghị di dời các công trình hạ tầng để bàn giao mặt bằng thi công công trình chính trong năm 2026. Đồng thời, tổng mức đầu tư/giá gói thầu được phê duyệt từ năm 2019 đến nay không còn phù hợp, nên Công ty trình điều chỉnh tổng mức đầu tư.
3	Di dời tuyến ống cấp nước đường Đỗ Xuân Hợp (đoạn từ Km4+316 đến Km4+916), Quận 2, Quận 9	100% vốn công ty	180	1.013	1.100	-	-	-	80% vay, 20% vốn Công ty	180	1.013	3.700	-	-	-	

STT	Tên dự án	Nghị quyết 48/NQ-CNTĐ-HĐTQ ngày 17/12/2025							Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh							Ghi chú
		Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBT	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBT (triệu đồng)	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
			Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)						Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)					
4	Di dời ống cấp nước nằm trong phạm vi công trình " Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định - Lê phải (đoạn từ cầu Giồng Ông Tổ đến cầu Mỹ Thủy), TP. Thủ Đức	100% vốn công ty	225	2.100	5.200	-	-	-	80% vay, 20% vốn Công ty	225	2.100	5.200	-	-	-	Điều chỉnh nguồn vốn 'Dự án chuyển tiếp từ Nghị quyết số 10/NQ-HDQT-CNTĐ ngày 01/3/2023. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng phường Cát Lái đang triển khai công trình nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định, đoạn từ cầu Giồng Ông Tổ đến cầu Mỹ Thủy. Trong phạm vi dự án hiện có tuyến ống cấp nước được lắp đặt từ năm 2005–2006, độ sâu trung bình 1,6–1,8m, gây khó khăn cho công tác quản lý, khai thác và sửa chữa. Sau khi đường Nguyễn Thị Định được mở rộng lên 30m, tuyến ống hiện hữu sẽ nằm giữa tim đường; do đó, việc di dời, tái bố trí tuyến ống vào vị trí phù hợp theo quy hoạch mặt cắt ngang đường là cần thiết, nhằm hoàn thiện mạng lưới cấp nước, thuận lợi cho quản lý vận hành, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch, góp phần giảm thất thoát nước và bảo đảm đồng bộ với công trình chính.
5	Di dời ống cấp nước nằm trong phạm vi công trình " Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định -Lê trái (đoạn từ cầu Giồng Ông Tổ đến cầu Mỹ Thủy), TP.Thủ Đức	100% vốn công ty	225	2.200	5.400	-	-	-	80% vay, 20% vốn Công ty	225	2.200	5.400	-	-	-	
6	Di dời ống cấp nước nằm trong phạm vi công trình " Nâng cấp, mở rộng đường Lã Xuân Oai" -Lê phải (từ đường Lê Văn Việt đến đường D2 Khu Công nghệ cao) TP.Thủ Đức	100% vốn công ty	280	1.837	6.700	367	1.200	1.000	80% vay, 20% vốn Công ty	280	1.837	6.700	367	1.200	1.000	Điều chỉnh nguồn vốn 'Dự án chuyển tiếp từ Nghị quyết số 39/NQ-HDQT-CNTĐ ngày 22/12/2023. Đường Lã Xuân Oai hiện đang được Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng phường Cát Lái đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng hệ thống thoát nước. Sau khi đường được mở rộng lên 30m, tuyến ống cấp nước hiện hữu sẽ nằm giữa tim đường, gây khó khăn cho công tác quản lý, khai thác và sửa chữa. Vì vậy, việc di dời, tái bố trí tuyến ống cấp nước vào vị trí phù hợp theo quy hoạch mặt cắt ngang đường là cần thiết, nhằm hoàn thiện mạng lưới cấp nước, thuận lợi cho quản lý vận hành, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch, góp phần giảm thất thoát nước và bảo đảm đồng bộ với công trình chính.
7	Di dời ống cấp nước nằm trong phạm vi công trình " Nâng cấp, mở rộng đường Lã Xuân Oai" - Lê trái (từ đường Lê Văn Việt đến đường D2 Khu Công nghệ cao), TP.Thủ Đức	100% vốn công ty	280	1.810	4.000	362	700	600	80% vay, 20% vốn Công ty	280	1.810	4.000	362	700	600	
B	Khởi công mới			12.300	51.000	2.460	9.400	8.000			17.282	69.200	5.617	19.700	15.300	
1	Di dời tuyến ống cấp nước nằm trong phạm vi dự án thành phần 1 "Xây dựng Vành đai 2 Thành phố, đoạn từ cầu Phú Hữu đến đường Võ Nguyên Giáp" (lề trái)	80% vay; 20% vốn công ty	225	3.250	13.700	650	2.500	2.100	80% vay; 20% vốn công ty	225	3.250	13.700	650	2.500	2.100	

STT	Tên dự án	Nghị quyết 48/NQ-CNTĐ-HĐTQ ngày 17/12/2025								Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh								Ghi chú
		Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBĐT	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBĐT (triệu đồng)	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)			
			Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)						Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)							
2	Di dời tuyến ống cấp nước nằm trong phạm vi dự án thành phần 1 "Xây dựng Vành đai 2 Thành phố, đoạn từ cầu Phú Hữu đến đường Võ Nguyên Giáp" (lề phải)	80% vay; 20% vốn công ty	225	3.250	13.700	650	2.500	2.100	80% vay; 20% vốn công ty	225	3.250	13.700	650	2.500	2.100			
3	Di dời tuyến ống cấp nước nằm trong phạm vi dự án thành phần 2 “Xây dựng Vành đai 2 Thành phố, đoạn từ Võ Nguyên Giáp đến đường Phạm Văn Đồng” (lề trái) - Giai đoạn 1	80% vay; 20% vốn công ty	225	1.900	8.100	380	1.500	1.300	80% vay; 20% vốn công ty	225	2.354	9.900	471	1.800	1.500	Điều chỉnh tên và quy mô Sau khi khảo sát hiện trường, quy mô công trình có thay đổi so với kế hoạch, do đó trình điều chỉnh quy mô, TMBĐT và giá trị giải ngân năm 2026 Tên cũ: Di dời tuyến ống cấp nước nằm trong phạm vi dự án thành phần 2 “Xây dựng Vành đai 2 Thành phố, đoạn từ Võ Nguyên Giáp đến đường Phạm Văn Đồng” (lề trái)		
4	Di dời tuyến ống cấp nước nằm trong phạm vi dự án thành phần 2 “Xây dựng Vành đai 2 Thành phố, đoạn từ Võ Nguyên Giáp đến đường Phạm Văn Đồng ” (lề phải) - Giai đoạn 1	80% vay; 20% vốn công ty	225	1.900	8.100	380	1.500	1.300	80% vay; 20% vốn công ty	225	2.100	8.900	420	1.600	1.400	Điều chỉnh tên và quy mô Sau khi khảo sát hiện trường, quy mô công trình có thay đổi so với kế hoạch, do đó trình điều chỉnh quy mô, TMBĐT và giá trị giải ngân năm 2026 Tên cũ: Di dời tuyến ống cấp nước nằm trong phạm vi dự án thành phần 2 “Xây dựng Vành đai 2 Thành phố, đoạn từ Võ Nguyên Giáp đến đường Phạm Văn Đồng” (lề phải)		
5	Di dời tuyến ống cấp nước nằm trong phạm vi dự án thành phần 2 “Xây dựng Vành đai 2 Thành phố, đoạn từ Võ Nguyên Giáp đến đường Phạm Văn đồng ” (lề trái) - Giai đoạn 2	80% vay; 20% vốn công ty	180	1.000	3.700	200	700	600	80% vay; 20% vốn công ty	180	1.310	4.800	262	900	700	Điều chỉnh tên và quy mô Sau khi khảo sát hiện trường, quy mô công trình có thay đổi so với kế hoạch, do đó trình điều chỉnh quy mô, TMBĐT và giá trị giải ngân năm 2026 Tên cũ: Di dời tuyến ống cấp nước nằm trong phạm vi dự án thành phần 2 “Xây dựng Vành đai 2 Thành phố, đoạn từ Võ Nguyên Giáp đến đường Phạm Văn đồng ” (lề trái)		
6	Di dời tuyến ống cấp nước nằm trong phạm vi dự án thành phần 2 “Xây dựng Vành đai 2 Thành phố, đoạn từ Võ Nguyên Giáp đến đường Phạm Văn đồng ” (lề phải) - Giai đoạn 2	80% vay; 20% vốn công ty	180	1.000	3.700	200	700	600	80% vay; 20% vốn công ty	180	1.418	5.200	284	900	800	Điều chỉnh tên và quy mô Sau khi khảo sát hiện trường, quy mô công trình có thay đổi so với kế hoạch, do đó trình điều chỉnh quy mô, TMBĐT và giá trị giải ngân năm 2026 Tên cũ: Di dời tuyến ống cấp nước nằm trong phạm vi dự án thành phần 2 “Xây dựng Vành đai 2 Thành phố, đoạn từ Võ Nguyên Giáp đến đường Phạm Văn đồng ” (lề phải)		

STT	Tên dự án	Nghị quyết 48/NQ-CNTĐ-HĐTQ ngày 17/12/2025							Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh							Ghi chú
		Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMDT	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMDT (triệu đồng)	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
			Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)						Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)					
7	Di dời tuyến ống cấp nước nằm trong phạm vi dự án Nâng cấp, mở rộng đường Lã Xuân Oai (đoạn từ đường Lò Lu đến đường Nguyễn Duy Trinh)	-	-	-	-	-	-	-	80% vay; 20% vốn công ty	225	3.600	13.000	2.880	9.500	6.700	Bổ sung danh mục ĐTXD Phối hợp công trình Nâng cấp, mở rộng đường Lã Xuân Oai (đoạn từ đường Lò Lu đến đường Nguyễn Duy Trinh) theo yêu cầu của Ban QLDA ĐTXD phường Cát Lái tại văn bản 177/QLDA ngày 20/4/2026; 490/QLDA ngày 08/6/2026 và Tờ trình 044/TTtr-QLML2 ngày 20/4/2026 của P.QLML2
IV.	MUA SẮM VẬT TƯ, TRANG THIẾT BỊ				13.350	676	13.350	12.570				10.932	536	10.922	10.172	
A	Công trình chuyển tiếp				3.170	65	3.170	2.630				3.170	65	3.170	2.630	
1	Gia hạn license phần mềm chống virus cho hệ thống máy chủ Sophos SVRMDR đầy đủ tính năng Thời gian license hiện hữu hết hạn đến 01/2026	100% vốn công ty			800	60	800	630	100% vốn công ty			800	60	800	630	
2	Giấy phép sử dụng phần mềm thủy lực Phần mềm mô phỏng thủy lực mạng lưới cấp nước WaterGEMS Thời gian license hiện hữu hết hạn đến 12/2025	100% vốn công ty			1.700	1	1.700	1.330	100% vốn công ty			1.700	1	1.700	1.330	
3	Gia hạn giấy phép SSL 2 tên miền web site công ty:	100% vốn công ty			300	2	300	300	100% vốn công ty			300	2	300	300	
4	Chức năng quản lý hóa đơn đầu vào tích hợp trực tiếp trên phần mềm kế toán Fast	100% vốn công ty			50	1	50	50	100% vốn công ty			50	1	50	50	
5	Fast iConnec: Ứng dụng kết nối dịch vụ ngân hàng điện tử	100% vốn công ty			320	1	320	320	100% vốn công ty			320	1	320	320	
B	Thực hiện trong năm 2026				10.180	611	10.180	9.940				7.762	471	7.752	7.542	
1	Giấy phép (license) thiết bị tường lửa Fortigate 101F Số Seri: FG101FTK24008532 (Dùng cho P.QLML1)	100% vốn công ty			130	1	130	130	100% vốn công ty			130	1	130	130	
2	Giấy phép (license) thiết bị tường lửa Fortigate 101F Số Seri: FG101FTK24008504 (Dùng cho P.QLML3)	100% vốn công ty			130	1	130	130	100% vốn công ty			130	1	130	130	
3	2.5. Giấy phép (license) thiết bị tường lửa Fortigate 101F Số Seri: FG101FTK24008720 (Dùng cho P.QLML2)	100% vốn công ty			130	1	130	130	100% vốn công ty			130	1	130	130	

STT	Tên dự án	Nghị quyết 48/NQ-CNTĐ-HDTQ ngày 17/12/2025							Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh							Ghi chú
		Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBT	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBT (triệu đồng)	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
			Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)						Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)					
4	Giấy phép (license) thiết bị tường lửa Fortigate 201F Số Seri: FG201FT923904143 (Tường lửa biên DataCenter)	100% vốn công ty			200	1	200	200	100% vốn công ty			232	1	232	232	Điều chỉnh TMBT Giá phần mềm, thiết bị và dịch vụ CNTT năm 2026 trên thị trường tăng so với thời điểm lập kế hoạch. Tổng mức đầu tư tại Nghị quyết số 48/NQ-CNTĐ-HĐQT được xây dựng trên cơ sở giá các năm trước nên cần điều chỉnh cho phù hợp với giá thị trường, bảo đảm triển khai mua sắm và duy trì an toàn, ổn định hệ thống CNTT
5	Giấy phép (license) thiết bị tường lửa Fortigate 201F Số Seri: FG201FT923901448 (Tường lửa biên Data Center)	100% vốn công ty			200	1	200	200	100% vốn công ty			200	1	200	200	
6	Giấy phép (license) thiết bị tường lửa Fortigate 101F Số Seri: FG101FTK22004325 (Dùng cho Call Center)	100% vốn công ty			130	1	130	130	100% vốn công ty			130	1	130	130	
7	Giấy phép (license) thiết bị tường lửa Fortigate 101F Số Seri: FG101FTK24007100 (Dùng cho Data logger)	100% vốn công ty			130	1	130	130	100% vốn công ty			130	1	130	130	
8	Giấy phép (license) thiết bị tường lửa Palo Alto PA-820 Số Seri: 12001028806 Thời gian license dự kiến 05/2026	100% vốn công ty			300	1	300	300	100% vốn công ty	-	-	-	-	-	-	Hủy danh mục Đã thay thế thiết bị mới, do đó không cần gia hạn bản quyền cho thiết bị palo Alto.
9	Gia hạn license Microsoft Office 365 bản Doanh nghiệp Microsoft Office 365 Business Standard Thời gian license dự kiến 12/2026	100% vốn công ty			400	100	400	400	100% vốn công ty			400	100	400	400	
10	Gia hạn phần mềm chống virus đảm bảo an toàn cho máy chủ và máy tính cá nhân Phần mềm diệt Virus Symantec (Symantec Endpoint Protection)	100% vốn công ty			350	200	350	350	100% vốn công ty			350	200	350	350	
11	Gia hạn phần mềm AutoCAD 2023 Thời gian license dự kiến 12/2026	100% vốn công ty			300	8	300	300	100% vốn công ty	-	-	-	-	-	-	Hủy danh mục Tháng 12/2025, Công ty đã ký hợp đồng gia hạn phần mềm, thời gian gia hạn gói 3 năm (2026-2028), do đó không đưa vào danh mục năm 2026.
12	Giấy phép sử dụng thiết bị cân bằng tải ứng dụng Thời gian license hiện hữu hết hạn đến 03/2026	100% vốn công ty			450	1	450	440	100% vốn công ty			450	1	450	440	

STT	Tên dự án	Nghị quyết 48/NQ-CNTĐ-HĐTQ ngày 17/12/2025							Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh							Ghi chú
		Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMDT	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMDT (triệu đồng)	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
			Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)						Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)					
13	Giấy phép sử dụng phần mềm ảo hóa hệ thống máy chủ Vmware Thời gian license hiện hữu hết hạn đến 16/4/2026	100% vốn công ty			900	256	900	880	100% vốn công ty			1.400	128	1.400	1.300	Điều chỉnh TMDT Ngày 05/3/2025, Công ty ký hợp đồng cung cấp Giấy phép sử dụng phần mềm VMware vSphere Standard, đến nay thời hiệu sử dụng đã hết cần gia hạn lại. Tuy nhiên, theo thông báo của Hãng Broadcom, sản phẩm này ngừng bán từ ngày 10/4/2025, do đó để đảm bảo hoạt động máy chủ ổn định cần trang bị phiên bản mới VMware vSphere Foundation. Do thay đổi phiên bản cần trang bị nên trình điều chỉnh tổng mức đầu tư
14	Giấy phép sử dụng phần mềm Veam backup and Replication Thời gian license hiện hữu hết hạn đến 05/3/2026	100% vốn công ty			150	30	150	150	100% vốn công ty			200	30	200	200	Điều chỉnh TMDT Giá phần mềm, thiết bị và dịch vụ CNTT năm 2026 trên thị trường tăng so với thời điểm lập kế hoạch. Tổng mức đầu tư tại Nghị quyết số 48/NQ-CNTĐ-HĐQT được xây dựng trên cơ sở giá các năm trước nên cần điều chỉnh cho phù hợp với giá thị trường, bảo đảm triển khai mua sắm và duy trì an toàn, ổn định hệ thống CNTT
15	Dịch vụ thuê lưu trữ dữ liệu đám mây Cloud	100% vốn công ty			950	1	950	950	100% vốn công ty			950	1	950	950	
16	Trang bị thiết bị Core Netgear Thiết bị làm hệ thống Core trung tâm, điều phối hạ tầng trung tâm mạng vận hành theo chuẩn HA (high availability)	100% vốn công ty			1.000	1	1.000	930	100% vốn công ty			1.600	1	1.600	1.500	Điều chỉnh TMDT Việc trang bị thêm một thiết bị chuyển mạch trung tâm để đưa vào vận hành theo tiêu chuẩn HA (High Availability – Độ sẵn sàng cao) là thật sự cần thiết nhằm đảm bảo tính ổn định cho mọi hoạt động liên quan đến công nghệ thông tin của công ty. Đề điều phối hạ tầng trung tâm mạng vận hành theo chuẩn HA, ngoài việc trang bị thiết bị chuyển mạch trung tâm cần phải trang bị các linh kiện đi kèm như nguồn, Module quang, dây nhảy quang, dây nhảy đồng, do đó Tổng mức đầu tư cho dự án ước tính 1,6 tỷ đồng.
17	Trang bị thiết bị tường lửa dự phòng cho trường hợp khẩn cấp 101F	100% vốn công ty			500	1	500	500	100% vốn công ty	-	-	-	-	-	-	Hủy danh mục Công ty đã trang bị 01 thiết bị tường lửa Fortigate 101F và 01 thiết bị tường lửa Fortigate 201F để dự phòng cho trường hợp bị lỗi của 2 loại thiết bị. Vì vậy hạng mục này là không cần thiết đưa vào danh mục mua sắm năm 2026.

STT	Tên dự án	Nghị quyết 48/NQ-CNTĐ-HĐTQ ngày 17/12/2025							Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh							Ghi chú
		Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBT	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	Nguồn vốn	Năng lực thiết kế		TMBT (triệu đồng)	KL (mét/cái)	Giá trị khối lượng (tr.đồng)	Giá trị giải ngân (tr.đồng)	
			Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)						Cỡ (Ø)	Chiều dài (mét)					
18	Trang bị máy chủ 02 Server cài đặt cho hệ thống GIS và Data Logger	100% vốn công ty			2.000	2	2.000	1.860	100% vốn công ty	-	-	-	-	-	-	Hủy danh mục Giá gói thầu dự kiến 2 tỷ đồng/01 Server (tăng 100% so với kế hoạch). Do đó, đề việc đầu tư đạt hiệu quả, Công ty cần xem xét, đánh giá lại sự cần thiết phải đầu tư.
19	Phần mềm phân tích mặt đồng hồ nước ứng dụng AI	100% vốn công ty			350	1	350	350	100% vốn công ty			350	1	350	350	
20	Hệ thống quản lý đọc số và chinh nhập	100% vốn công ty			480	1	480	480	100% vốn công ty			480	1	480	480	
21	Tủ quan trắc chất lượng nước	100% vốn công ty			1.000	1	1.000	1.000	100% vốn công ty	-	-	-	-	-	-	Hủy danh mục Chưa cần thiết phải đầu tư trong năm 2026.
22	Tư vấn an toàn thông tin mạng cho phần mềm - Giai đoạn 1 Phạm vi thực hiện: - Thủ Đức Portal - Quản lý Thu Hộ				-	-	-	-	100% vốn công ty			500	1	490	490	Bổ sung danh mục mua sắm Nhằm đảm bảo các phần mềm hiện hữu đang hoạt động của công ty không có lỗ hổng về bảo mật, việc rà soát an toàn thông tin là vô cùng quan trọng và cấp thiết theo Báo cáo số 23/BC-ĐD ngày 30/3/2026 của Phòng Điều độ.
C	Chuẩn bị đầu tư				1.100	62						1.100	62			
1	Gia hạn license phần mềm chống virus cho hệ thống máy chủ Sophos SVRMDR đầy đủ tính năng Thời gian license dự kiến 01/2027	100% vốn công ty			800	60						800	60			
2	Giấy phép chứng chỉ SSL hệ thống Website công ty cho tên miền: capnuocthduc.vn Thời gian license dự kiến 01/2027	100% vốn công ty			300	2						300	2			
V.	SỬA CHỮA VĂN PHÒNG LÀM VIỆC				2000	2	1800	1.400				2.000	2	1.800	1400	
1	Nhà xe lợp tấm polycarbonate	100% vốn công ty			1.000	1	900	600	100% vốn công ty			1.000	1	900	600	
2	Sửa chữa văn phòng	100% vốn công ty			1.000	1	900	800	100% vốn công ty			1.000	1	900	800	